

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 643/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9-2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

****/- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hòa

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Cảnh Liêm

Bà Trần Thị Bích Hợp

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương

Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- *Đại diện VKSND TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:*

Ông Trần An Vinh - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 402/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 17/8/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm: 1962 (có mặt)

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm: 1961 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 290 đường T, TP.Q, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lê Văn N trình bày: Ông và bà H kết hôn ngày 13/10/1987 tại UBND phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường trong một thời gian đến cuối năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong vấn đề kinh tế gia đình, bà H lấy hết tiền mà ông làm được, gây khó khăn cho ông trong cuộc sống, về quan hệ gia đình giữa bà H và mẹ chồng không tốt. Nay ông nhận thấy không còn tình cảm với bà H xin được ly hôn với bà H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 31/5/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:

Bà thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn như ông N đã trình bày. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Hiện nay bà và ông N vẫn chung sống cùng nhà, ăn chung, ở chung và quan tâm chăm sóc nhau chứ không hề ly thân như ông N trình bày. Đôi lúc vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng nguyên nhân chính là do ông N có quan hệ với người phụ nữ khác nên bà ghen tuông, vì thương yêu ông N nên bà vẫn bỏ qua cho ông để vợ chồng có cơ hội hàn gắn. Việc ông N cho rằng bà lấy hết tiền là không đúng, vì ông N vẫn có tiền gửi tiết kiệm. Còn đối với mẹ chồng bà thì chưa bao giờ có thái độ bất nhã. Việc bà lấy tiền của ông N từ năm 2019 khi bà phát hiện ông N có nhắn tin với người phụ nữ khác, bà giữ tiền với mục đích chi tiêu trong gia đình, nếu ông N không đồng ý thì từ nay bà không giữ tiền của ông nữa. Nay ông N xin ly hôn thì bà không đồng ý vì còn tình cảm với ông N.

Vợ chồng có 02 người con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Q :**

Về tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông N, bà H kết hôn 13/10/1987 tại UBND phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của ông N đối với bà H căn cứ theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn". Hiện bà H đang cư trú tại số nhà 290 T, TP. Q, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 điều 28; điều 35 và điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về Quan hệ hôn nhân: Theo ông N trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2010 cho đến nay, nguyên nhân do bà H quản lý kinh tế gia đình gây khó khăn cho ông trong việc chi tiêu, ngoài ra bà H đối xử với mẹ chồng không tốt. Bà H cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông N hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn. Tuy có cãi nhau nhưng chủ yếu là do ông N có quan

hệ với người phụ nữ khác nên từ năm 2019 bà có giữ tiền của ông để giữ gìn hạnh phúc gia đình, nếu ông N không đồng ý từ nay bà không giữ tiền của ông nữa, đối với cha mẹ chồng bà cư xử rất đúng mực làm tròn bổn phận dâu con, do đó ông N xin ly hôn bà không đồng ý vì còn tình cảm với ông.

Ông N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà H nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh hôn nhân của ông và bà H thật sự trầm trọng. Những lý do ông N đưa ra để xin ly hôn bà H chưa có tính thuyết phục. Bà H tha thiết mong Tòa án hòa giải, động viên để bà và ông N được đoàn tụ, Hội đồng xét xử xét thấy cần tạo điều kiện cho ông N và bà H có thời gian suy nghĩ và quyết định chính xác về tình trạng hôn nhân của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình không chấp nhận yêu cầu của ông N về việc xin ly hôn bà H.

[3] Về con chung: Ông N, bà H có 02 người con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông N, bà H không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Ông N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Văn N đối với bà Huỳnh Thị H.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông N phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002531 ngày 18/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Q. Ông N đã nộp xong.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định ;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Minh Hòa

